CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dược Trung ương Mediplantex

Ngày 30/06/2025	23,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.8%	**-6.9%**	**-1.3%**

DT thuần
Q2/25
86.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.5| 15.3%
YoY: ▼53.1| -37.9%

LN thuần
Q2/25
3.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.97| 34.3%
YoY: ▼1.26| -25.0%

LN sau thuế
Q2/25
3.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.86| 39.5%
YoY: ▼1.93| -38.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.1%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE (TTM)
Q2/25
3.6%
YoY: +/-▼ 0.5%

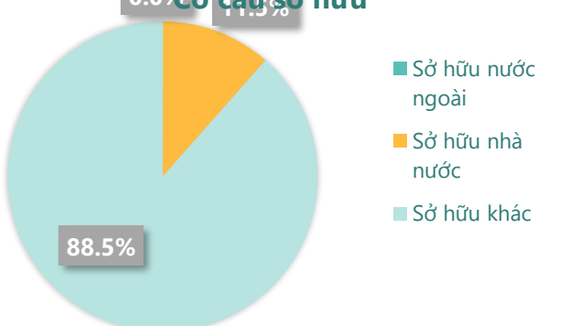
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,195 - 27,127
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
Số lượng CPLH (CP)	12,410,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	620
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.02
EPS	935
P/E	25.0

DT thuần
6T 2025
162
tỷ VNĐ
YoY: ▼83.0| -33.7%

LN thuần
6T 2025
6.60
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.50| -34.3%

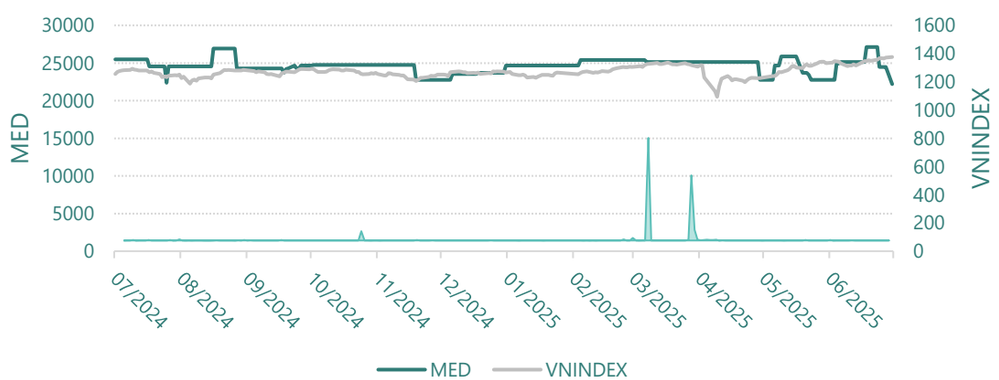
LN sau thuế
6T 2025
5.22
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.58| -40.6%

Cơ cấu sở hữu

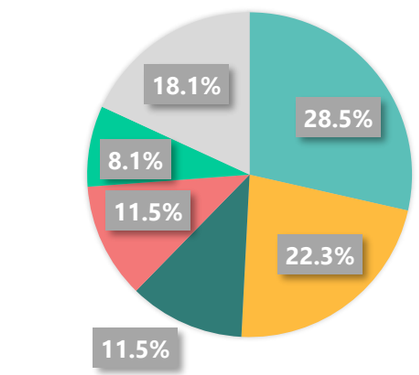


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

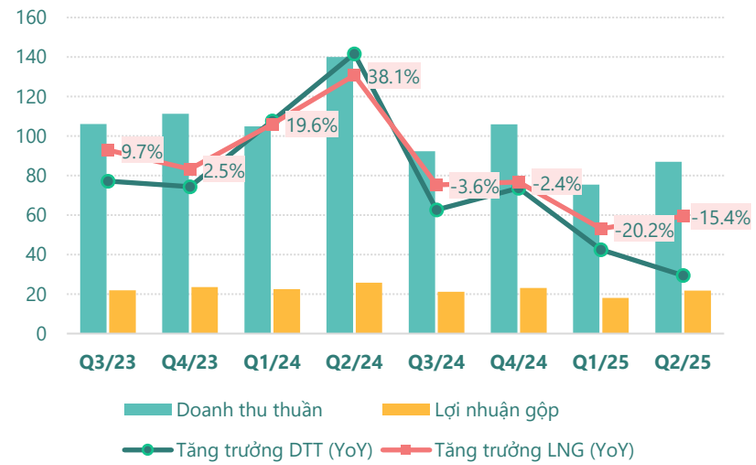


- Nguyễn Ngọc Xuân Trang (Chủ tịch HĐQT)
- Trần Nguyễn Hoàng Phúc (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Khái
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- Trần Hoàng Dũng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

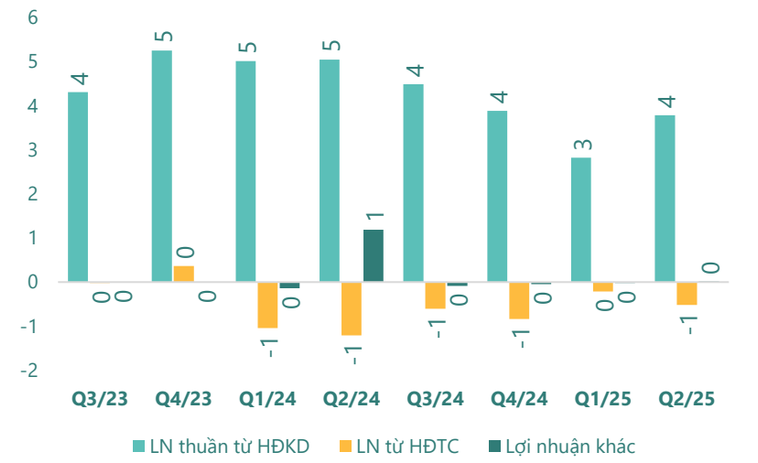
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



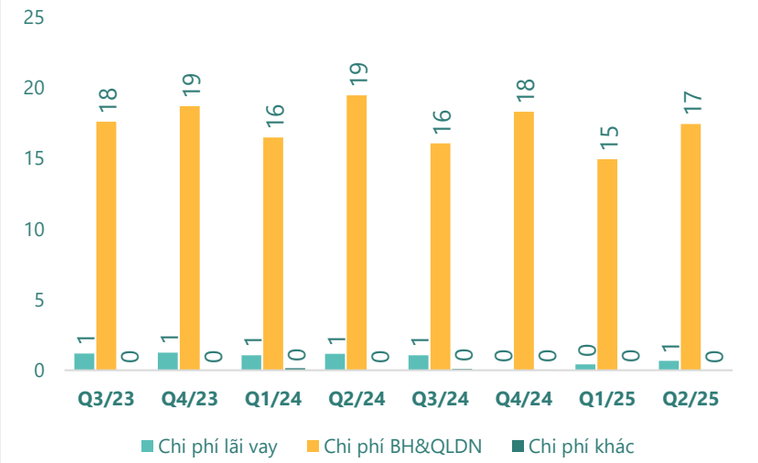
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



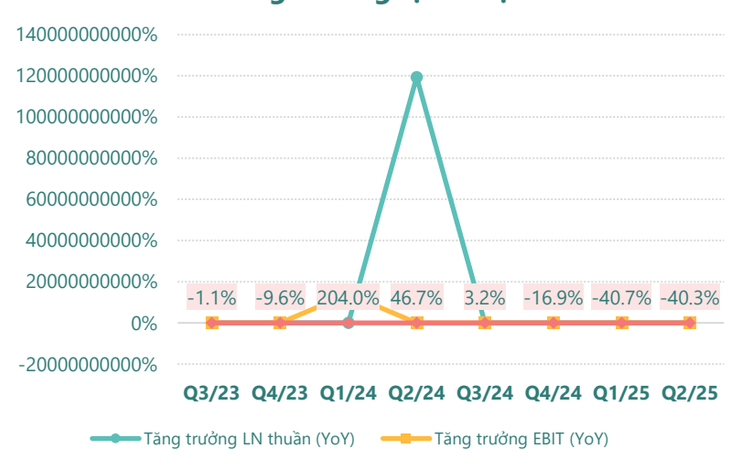
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



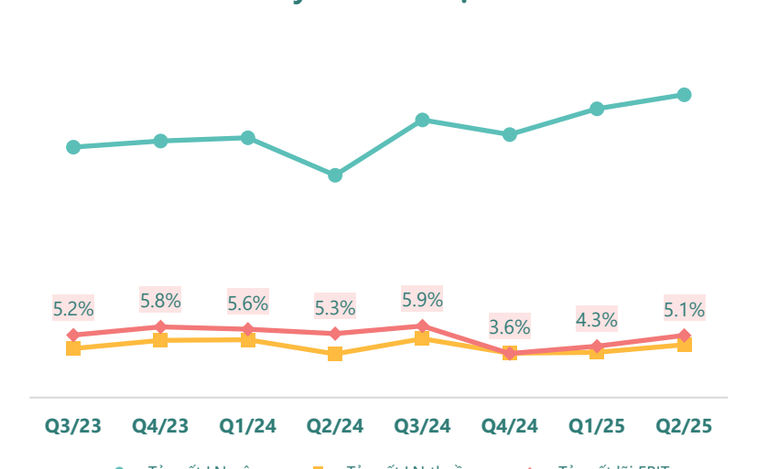
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



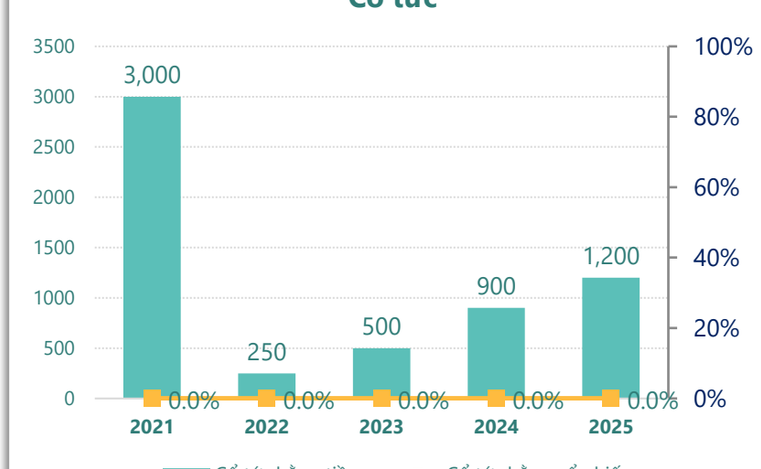
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

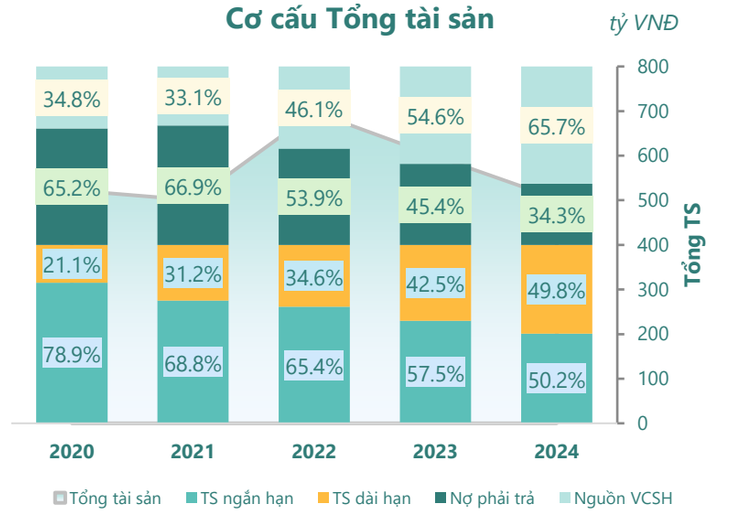
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

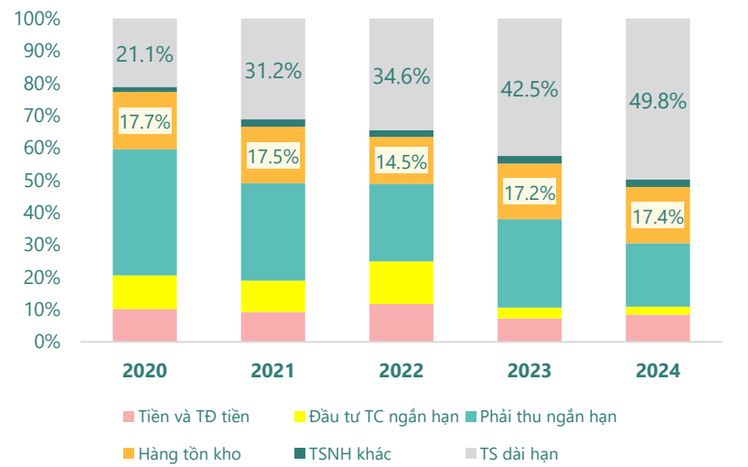
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



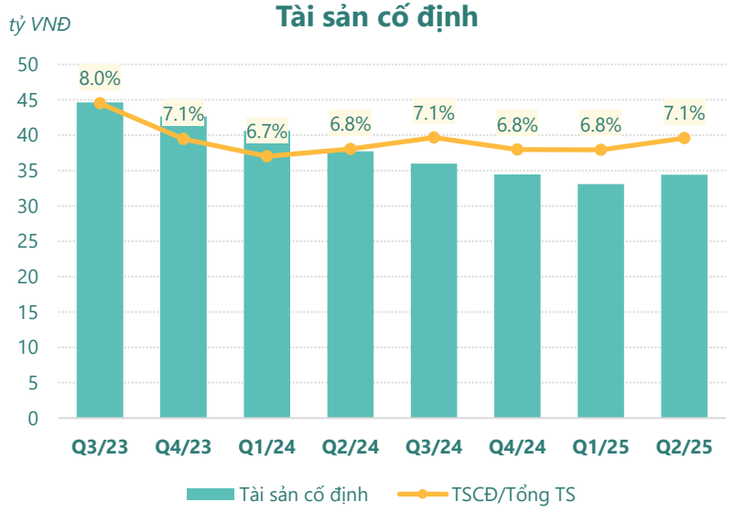
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



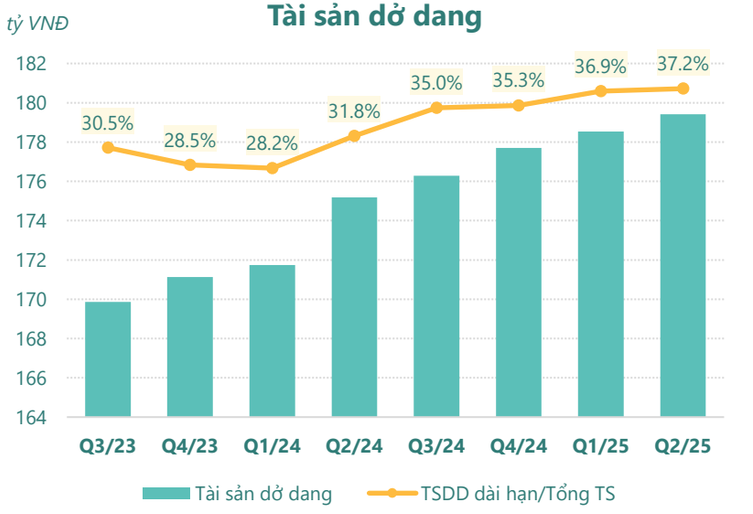
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



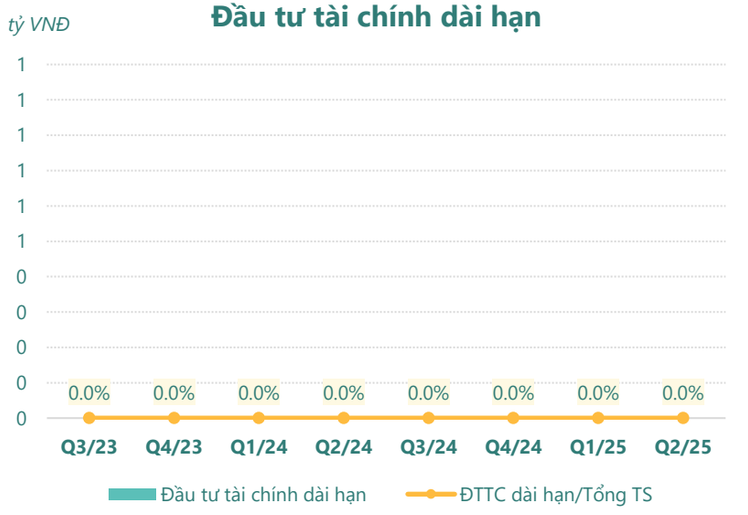
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



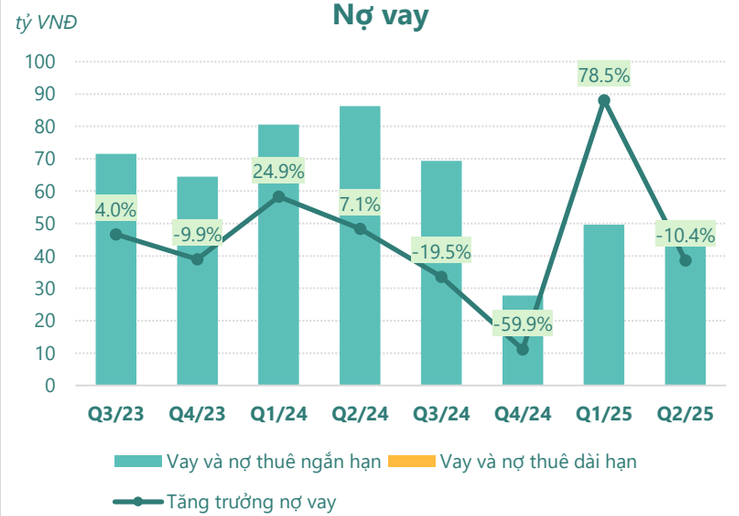
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

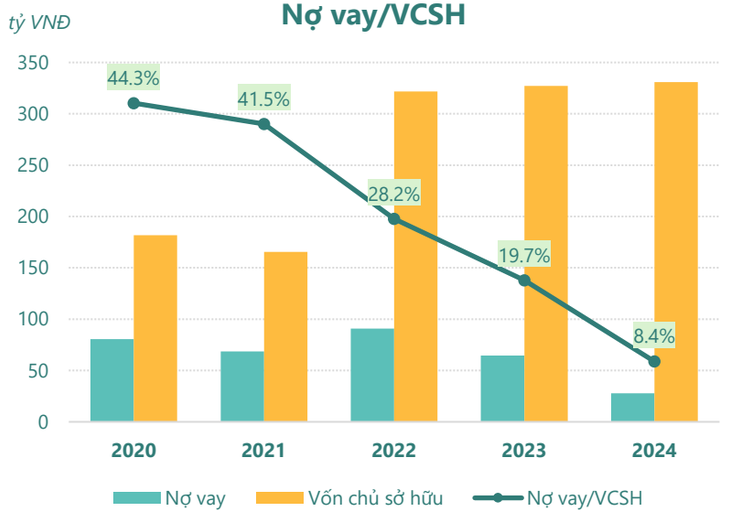
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

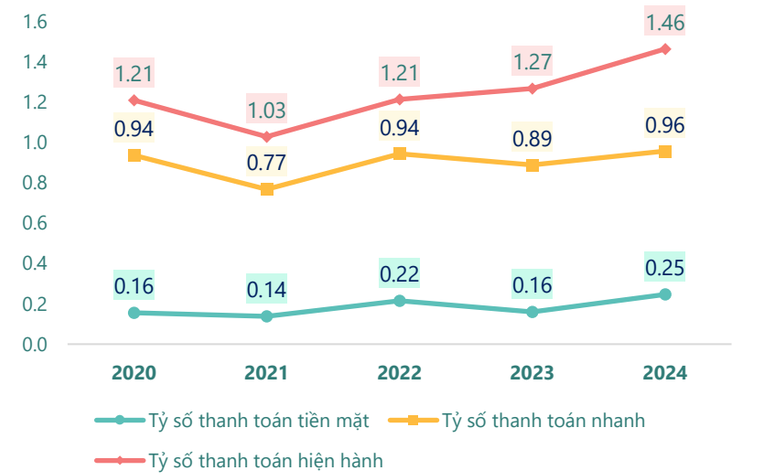
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



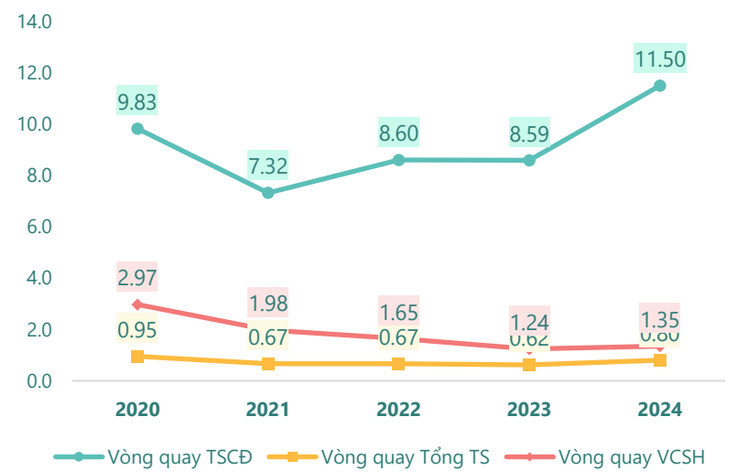
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



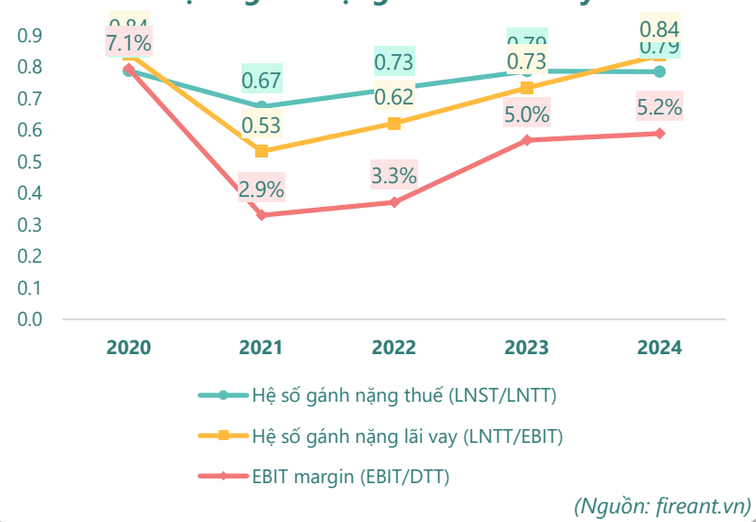
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



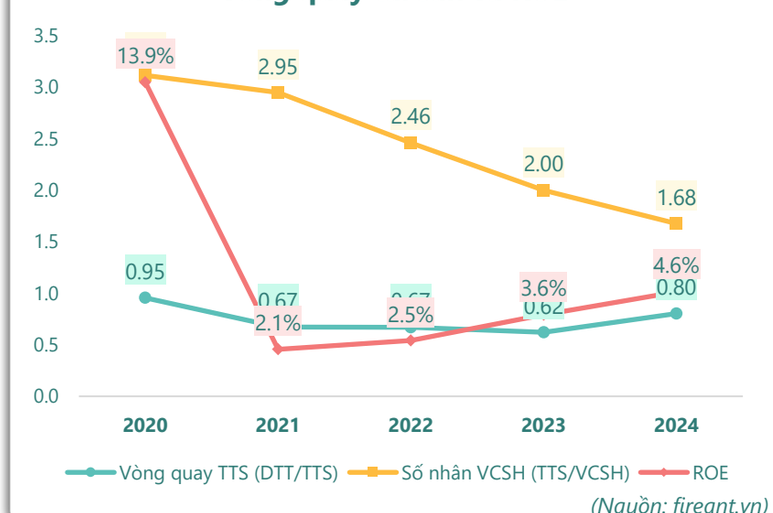
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



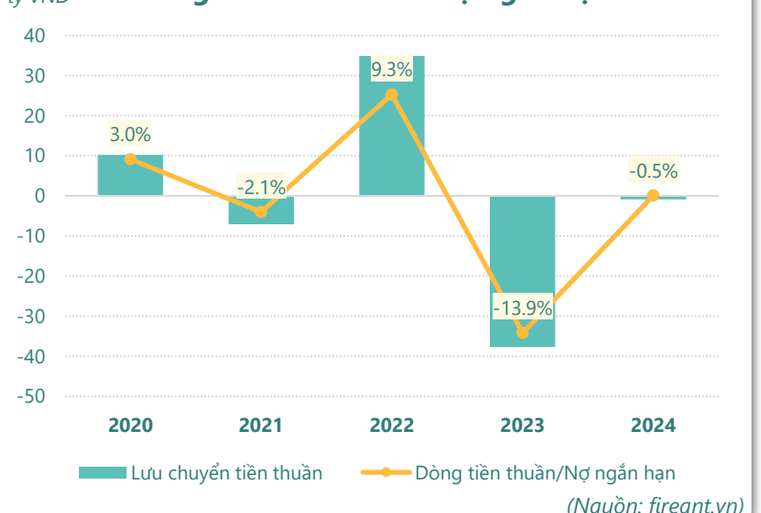
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**86.9**	**140**	**-37.9%**	**162**	**245**	**-33.7%**
Giá vốn hàng bán	65.1	114	-42.9%	123	197	-37.7%
Lợi nhuận gộp	21.8	25.7	-15.3%	39.8	48.3	-17.6%
Doanh thu HĐTC	0.56	0.89	-37.2%	0.99	1.22	-18.8%
Chi phí TC	1.08	2.10	-48.8%	1.72	3.46	-50.4%
Chi phí lãi vay	0.66	1.16	-43.2%	1.07	2.21	-51.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.21	2.80	-56.8%	2.42	5.12	-52.7%
Chi phí QLDN	**16.3**	**16.7**	**-2.7%**	**30.0**	**30.9**	**-2.7%**
LN thuần từ HĐKD	3.79	5.05	-25.0%	6.60	10.1	-34.3%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**1.19**	**-98.8%**	**-0.01**	**1.05**	**-101%**
LN trước thuế	3.80	6.24	-39.1%	6.60	11.1	-40.6%
Lợi nhuận sau thuế	**3.04**	**4.97**	**-38.8%**	**5.22**	**8.80**	**-40.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.04**	**4.97**	**-38.8%**	**5.22**	**8.80**	**-40.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.6	-1.81	32.3	29.8	-26.9	-3.18
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.83	7.64	-11.6	16.6	3.41	-5.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.0	5.35	-27.3	-39.6	15.4	1.19
Tiền đầu kỳ	43.5	31.2	42.4	35.7	42.6	34.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.4**	**11.2**	**-6.60**	**6.87**	**-8.07**	**-7.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	-0.02	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	31.2	42.4	35.7	42.6	34.5	27.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**483**	**504**	**-4.1%**
Tài sản ngắn hạn	228	253	-10.0%
Tiền và tương đương tiền	27.3	42.6	-36.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.00	12.0	-25.0%
Phải thu ngắn hạn	83.6	99.2	-15.7%
Hàng tồn kho	96.4	87.5	10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	11.8	-1.9%
Tài sản dài hạn	**255**	**251**	**1.7%**
Phải thu dài hạn	5.28	4.29	23.0%
Tài sản cố định	34.4	34.4	-0.1%
Bất động sản đầu tư	1.76	1.88	-6.6%
Tài sản dở dang	179	178	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**34.1**	**32.4**	**5.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	162	173	-6.2%
Nợ ngắn hạn	**162**	**173**	**-6.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.4	27.8	59.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.8	78.0	-45.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**321**	**331**	**-3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**321**	**331**	**-3.1%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)